TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trung Thành.

2. Bà Lương Thảo Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2004, địa chỉ: Tổ 31, khóm Vĩnh B, thị trấn Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là tổ 31, ấp Vĩnh B, xã Vĩnh Thạnh T, tỉnh An Giang), vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Sinh V, sinh năm 1999, địa chỉ: Tổ 31, khóm Vĩnh B, thị trấn Vĩnh Thạnh T, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là tổ 31, ấp Vĩnh B, xã Vĩnh Thạnh T, tỉnh An Giang), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2025, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình, hiện bà và ông V đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn là ông Nguyễn Sinh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình, hiện ông và bà T đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 51, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà T và ông V là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Bà T, ông V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2024, không có đăng ký kết hôn. Theo lời khai của bà T và ông V thì mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên tranh cải làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình, hiện bà T và ông V đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V thì ông V cũng đồng ý ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, bà T và ông V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2024 đến nay

không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa bà T và ông V không được công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Sinh V là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009641 ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – An Giang). Ông Nguyễn Sinh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND khu vực 13 – An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng